

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST

Ngày 10-02-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Anh Tuấn
- Ông Nông Văn Điền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mã Thị Oanh là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cước công dân số 008190002079.

(bà T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Lê Quang N, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Thôn C, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cước công dân số 068086009144.

(ông N vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ghi ngày 06 tháng 10 năm 2025 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Vũ Thị T và ông Lê Quang N đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng)

vào ngày 05/4/2021. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Vợ chồng bà T và ông N đã sống ly thân từ cuối tháng 8/2025 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà T và ông N không còn quan tâm nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Lê Quang N.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.
- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.
- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra, bà Vũ Thị T không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Lê Quang N nhiều lần để hoà giải nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì gửi cho Tòa án nên không tiến hành hoà giải được.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng đã có bài phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Bài phát biểu đã đánh giá Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn bà Vũ Thị T chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Quang N chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T, về hôn nhân cho bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Lê Quang N. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Về án phí bà Vũ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Quang N, bị đơn ông Lê Quang N có nơi thường trú tại thôn 3c, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn và Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà Vũ Thị T, bị đơn ông Lê Quang N là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Bà Vũ Thị T và ông Lê Quang N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 05/4/2021, vì vậy hôn nhân được xác lập giữa bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày trong thời gian đầu kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn trầm trọng không thể hoà giải được, bà T và ông N đã sống ly thân từ cuối tháng 8/2025 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên bà Vũ Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quang N. Bị đơn ông Lê Quang N đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng có ý kiến gì. Điều này chứng tỏ bị đơn đã không còn mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án gửi công văn số 156/TA ngày 26/11/2025 đến Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng để xác minh về tình trạng hôn nhân của bà T và ông N, theo công văn trả lời số 1008/UBND-VP ngày 08/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng thì Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng chưa nhận được thông tin mâu thuẫn để hoà giải mâu thuẫn giữa bà T và ông N. Tuy nhiên sau nhiều lần Tòa án tiến hành triệu tập để hoà giải nhưng ông N vắng mặt không lý do điều này chứng tỏ ông N đã không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà T vẫn kiên quyết ly hôn nên mâu thuẫn giữa ông N và bà T không thể hoà giải được. Bà T trình bày mâu thuẫn vợ chồng là đúng với thực tế.

Xét thấy hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông N không đạt được, vợ chồng không còn sống chung với nhau thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị T, cho bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Lê Quang N là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Bà Vũ Thị T trình bày giữa bà Vũ Thị T và ông Lê Quang N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà Vũ Thị T trình bày giữa bà Vũ Thị T và ông Lê Quang N không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung là phù hợp.

[5] Về nợ chung: Bà Vũ Thị T trình bày giữa bà Vũ Thị T và ông Lê Quang N không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Vũ Thị T khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 4 của Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T đối với ông Lê Quang N về việc tranh chấp ly hôn.

Cho bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Lê Quang N.

2. Về án phí:

Bà Vũ Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Vũ Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004003 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh L

(được điều chỉnh lại theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004010 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lâm Đồng;
- UBND xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Xuân Trường